



cān chē

餐车

noun · dining car; food truck

Example Sentences

Huǒ chē shàng yǒu cān chē kě yǐ qù nà lǐ chī fàn
火车上有餐车，可以去那里吃饭。

There is a dining car on the train; you can go there to eat.

Jiē jiǎo de cān chē mài de shì dì dào de Mò xī gē juǎn bǐng
街角的餐车卖的是地道的墨西哥卷饼。

The food truck on the street corner sells authentic Mexican burritos.

Trace each character, then write the word on your own.

餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐
餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐	餐			
车	车	车	车	车	车	车				